

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ BÁN NIÊN 2020

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viết tắt: VTBF)

Loại hình quỹ: Quỹ mở

Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): Không xác định

Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Quỹ không có danh mục đầu tư tham chiếu.

Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định.

Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2020: 448.964,09 chứng chỉ quỹ

Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều lệ mới và được công bố thông tin trên website của Công ty:

http://www.vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F52/1384

Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư đã được và được công bố thông tin trên website của Công ty:

http://www.vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F4/2442

Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở:

Công ty Quản lý Quỹ không vi phạm các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

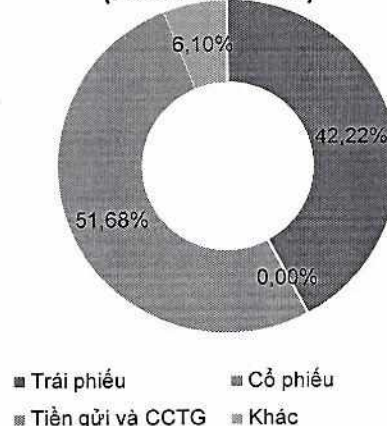
Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) tại thời điểm 30/06/2020:



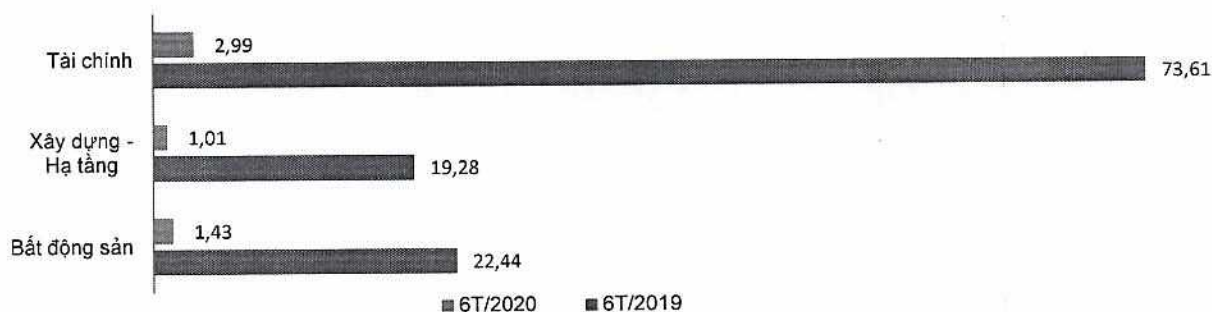
Quỹ VTBF	Tỷ đồng	Tỷ trọng
Trái phiếu doanh nghiệp	2,44	42,22%
Cổ phiếu niêm yết	0,00	0,00%
Tiền gửi & Chứng chỉ tiền gửi	2,99	51,68%
Khác	0,35	6,10%

Tổng giá trị tài sản **100,00%**

**Biểu 1: Tổng tài sản quỹ VTBF
(Phân theo tài sản)**

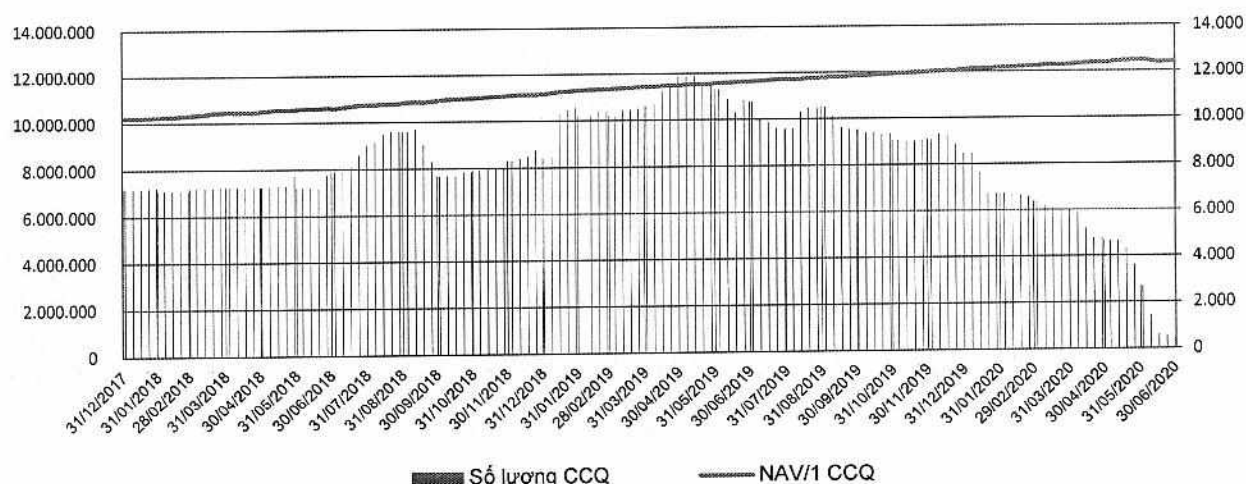


Biểu 2: Danh mục đầu tư của Quỹ VTBF - Phân bổ theo ngành (Tỷ đồng)



Giá trị tài sản ròng của Quỹ	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị CCQ	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	
			Cao nhất	Thấp nhất
5.565.136.382	12.395,50	448.964,09	12.467,68	12.121,93

Biểu 3: Số lượng CCQ và NAV/1 CCQ



Stt	Chỉ tiêu	01/01/2020 đến 30/06/2020
1	Cổ tức, trái tức được nhận Dividend, Bond coupon income	1.428.243.260
2	Lãi được nhận Interest income	1.282.208.705
3	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư Realised Gain / (Loss) from disposal of investment	(94.681.354)
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ Unrealised Gain / (Loss) due to market price	5.364.141
	TỔNG	2.621.134.752

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không phân phối lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm 2020.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	01/01/2020 đến 30/06/2020
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,75%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,32%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,56%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,05%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,27%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*)	1,95%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	120,30%

(*) Tỷ lệ được tính toán cho khoảng thời gian 06 tháng tại ngày lập báo cáo tài chính, tổng chi phí hoạt động được sử dụng để tính toán là số liệu ước tính cho cả năm dựa trên kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận chưa phân phối	14.056.420.480	2.019.188.653

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được quy định trong Điều lệ, Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 03 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

Lưu ý: Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư
So với thời điểm đầu năm 2020 (01/01/2020), giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ VTBF tính đến ngày 30/06/2020 đã tăng 2,41% giá trị; tương đương với mức tăng 4,82%/năm.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:
Trong kỳ, Quỹ tiếp tục lựa chọn cơ hội đầu tư và giải ngân thận trọng, bám sát vào chiến lược đầu tư đã đặt ra trong Bản cáo bạch, nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, cơ cấu đầu tư tuân thủ theo Điều lệ và Bản cáo bạch hiện hành như sau:
 - Trái phiếu niêm yết, chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành bao gồm trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo, trái phiếu doanh nghiệp của các công ty, tập đoàn lớn: 0-80%Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.
- Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Stt	Chỉ tiêu	30/06/2019 (đồng)	30/06/2020 (đồng)
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	8.811.068.585	992.444.718
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
3	Cổ phiếu	409.500.000	
4	Trái phiếu	51.816.863.445	2.442.371.737
5	Đầu tư khác	59.984.464.737	2.350.238.571

- Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá đầu tiên năm 2019 vào

ngày 07/01/2019: 12.121,93 VND đã tăng lên 2,26% và đạt 12.395,50 VND tại ngày 30/06/2020. Trong sáu tháng đầu năm 2020, quỹ không phân chia lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo

Tình hình kinh tế vĩ mô trong 06 tháng đầu năm 2020

- Tăng trưởng GDP trong 06 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để đảm bảo tính mạng và sức khỏe của người dân.
- Lạm phát cơ bản tháng 6/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 2,45% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.
- Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020 ước tính đạt 121,21 tỷ USD; giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 41,38 tỷ USD, tăng 11,7%, chiếm 34,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 79,83 tỷ USD, giảm 6,7%, chiếm 65,9%.
- Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 117,17 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 51,55 tỷ USD, tăng 0,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,62 tỷ USD, giảm 5,4%.
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,7 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 1.418 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, giảm 17,7% về số dự án và tăng 13,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá USD/VND tăng 0,47% trong 6 tháng đầu năm 2020.

03 lĩnh vực chính đóng góp tăng trưởng GDP là:

- Nông lâm nghiệp thủy sản (+1,19%);
- Dịch vụ (+0,57%);
- Công nghiệp xây dựng (+2,98%).

GDP growth, % lũy kế
1,81%

1,19%



GDP thực tế, tỷ đồng
2.576.480

0,57%



2,98%



Thị trường tiền tệ

- Hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng trong 6 tháng đầu năm 2020 chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tăng trưởng tín dụng tính đến thời điểm 19/6/2020 đạt mức thấp nhất so với cùng thời điểm của các năm trong giai đoạn 2016-2020.
- Từ đầu năm 2020 đến cuối tháng 6/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1%-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản và tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; trong đó giảm 0,6%-

0,75%/năm mức lãi suất trần tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm mức lãi suất trần cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên.

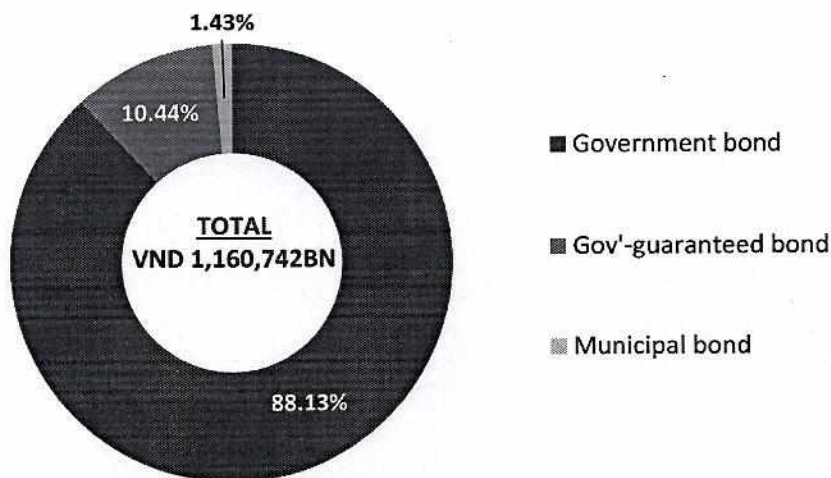
- Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4%-4,25%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,9%-6,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,5%-7,4%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với cho vay trung và dài hạn.
- Tính đến thời điểm 19/6/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,59% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,05%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,45% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,22%) và đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất của thời điểm 19/6 các năm 2016-2020

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu sơ cấp

- Tại thời điểm cuối tháng 06 năm 2020, tổng giá trị niêm yết của Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương là 1.160.742 tỷ đồng, tăng 2,37% so với tháng trước. Trong đó, giá trị lưu hành của Trái phiếu Chính phủ đạt 1.022.963 tỷ đồng, chiếm 88,13%, của Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh là 121.186 tỷ đồng, chiếm 10,44% và của trái phiếu chính quyền địa phương là 16.593 tỷ đồng, chiếm 1,43%.

Biểu 4: Tỷ lệ giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối tháng 06/2019

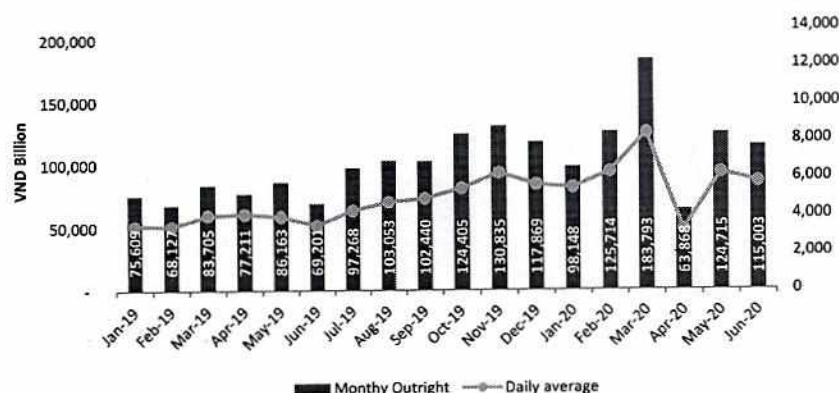


(Nguồn: VTBC tổng hợp)

Thị trường trái phiếu thứ cấp

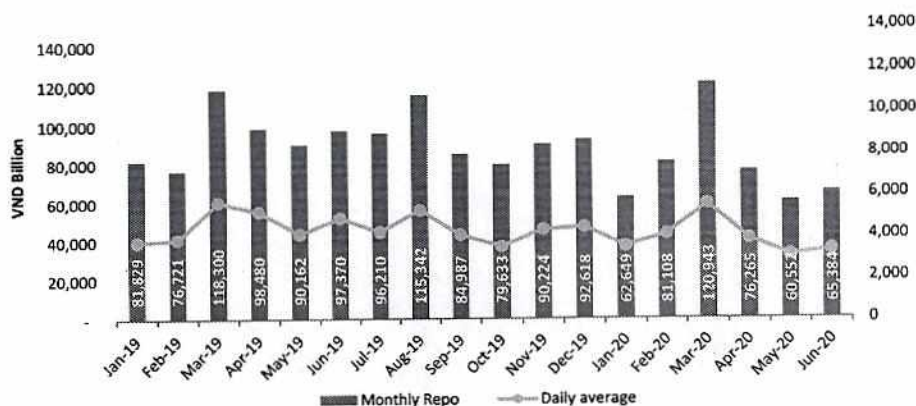
- Trong tháng 06/2020, tổng giá trị giao dịch thông thường (Outright) và mua bán lại (Repo) đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương đạt 180.387 tỷ đồng, giảm 3% so với tháng 5. Kết thúc tháng, giá trị giao dịch thông thường (Outright) đạt 115.003 tỷ đồng, giảm gần 10.000 tỷ đồng so với tháng 5. Giá trị giao dịch Outright bình quân phiên đạt 5.750 tỷ đồng. Trong khi đó, khối lượng giao dịch mua bán lại (Repo) tăng 8% so với tháng trước, lên tới 65.384 tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 3.269 tỷ đồng. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục duy trì hoạt động mua vào trái phiếu với giá trị mua ròng trong tháng đạt khoảng 2.181 tỷ đồng.

Biểu 5: Diễn biến giao dịch outright theo tháng



(Nguồn: VTBC tổng hợp)

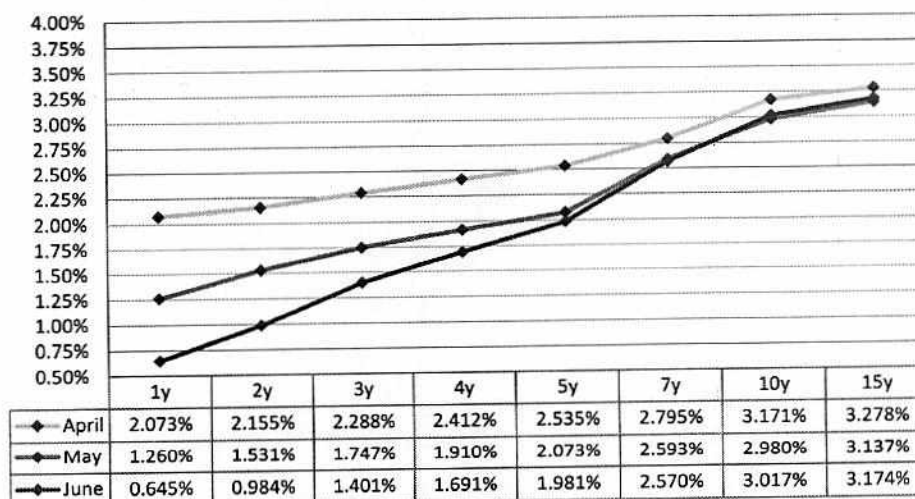
Biểu 6: Diễn biến giao dịch repo theo tháng



(Nguồn: VTBC tổng hợp)

Theo số liệu từ phòng chào giá các nhà tạo lập thị trường (Market Makers) của VBMA, trong tháng 6/2020 các kỳ hạn từ 7 năm trở xuống đều có lợi suất giao dịch TPCP giảm so với tháng trước, sự sụt giảm mạnh nhất là ở kỳ hạn 1 năm, thấp hơn 61,5bps so với tháng 5. Tuy nhiên, lợi suất TPCP các kỳ hạn 10 năm và 15 năm lại tăng nhẹ, cùng cao hơn tháng trước đó 3,7bps.

Biểu 7: VBWA's Government Bond Yield Fixing trung bình trong 3 tháng



(Nguồn: VTBC tổng hợp)

Thị trường chứng khoán

- Tính đến cuối tháng 06/2020, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 825,11 điểm, giảm 14,14% so với cuối năm trước; chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 109,76 điểm, tăng 7,07% so với cuối năm trước.
 - Mức vốn hóa thị trường tính đến ngày 18/6/2020 đạt 4.030 nghìn tỷ đồng, giảm 8,1% so với cuối năm 2019. Giá trị giao dịch bình quân trong tháng Sáu đạt 8.524 tỷ đồng/phiên, tăng 29% so với tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường đạt 5.633 tỷ đồng/phiên, tăng 20,9% so với bình quân năm 2019. Hiện nay, thị trường có 748 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 894 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM với tổng giá trị niêm yết và đăng ký giao dịch đạt gần 1.422,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so với cuối năm 2019.
 - Tính đến cuối tháng 06/2020, trên thị trường trái phiếu, hiện có 492 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.172 nghìn tỷ đồng, giảm 1,5% so với cuối năm 2019. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trong tháng Sáu đạt 7.120 tỷ đồng/phiên, tăng 23,7% so với tháng trước. Tính chung 6 tháng, giá trị giao dịch bình quân đạt 9.862 tỷ đồng/phiên, tăng 7,1% so với bình quân năm 2019.
 - Trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân trong tháng Sáu đạt 166.184 hợp đồng/phiên, giảm 19% so với tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, khối lượng giao dịch bình quân đạt 163.984 hợp đồng/phiên, tăng 85% so với bình quân năm trước. Tại thời điểm cuối tháng 5/2020, số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt 118.126 tài khoản, tăng 7% so với cuối tháng trước.
- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: 74 phố Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam cho kỳ tài chính bán niên năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm tỷ lệ đầu tư vào tài sản của Quỹ có phát sinh sai lệch như sau:
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành (CTCP Vinhomes, CTCP Tài nguyên Masan, Công ty tài chính TNHH HDSaison, Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP SHB) chưa đảm bảo hạn chế 20% tổng giá trị tài sản theo quy định tại

khoản 10.1.c, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC các kì: từ 07/01/2020 đến 21/01/2020, 31/01/2020, từ 29/02/2020 đến 10/03/2020, từ 24/03/2020 đến 31/03/2020, từ 07/04/2020 đến 09/06/2020, 23/06/2020, 30/06/2020, từ 14/04/2020 đến 26/05/2020, 08/04/2020, từ 14/04/2020 đến 02/06/2020, 16/06/2020 đến 30/06/2020.

- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết “Trái phiếu CTCP Đầu tư Hải Phát (HPXBOND112019)” chưa đảm bảo hạn chế 10% tổng giá trị tài sản theo quy định tại khoản 10.1.d, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC tại kì báo cáo: 14/01/2020, 21/01/2020, từ 31/01/2020 đến 18/02/2020, 24/03/2020, từ 07/04/2020 đến 26/05/2020, 16/06/2020.
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào tài sản của một công ty hoặc nhóm công ty (CTCP Vinhomes, Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng) chưa đảm bảo hạn chế 30% tổng giá trị tài sản theo quy định tại khoản 10.1.c, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.b, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC các kì: 29/02/2020, 02/06/2020, 09/06/2020, từ 27/05/2020 đến 30/06/2020.
- b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06/2020 là 5.565.136.382 VND. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống thấp hơn mức 50% vốn góp ban đầu (66.000.000.000 VND) và mức 30.000.000.000 VND từ ngày 09/06/2020 và xuống thấp hơn mức 10.000.000.000 VND từ ngày 16/06/2020.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ Quản trị Quỹ:

Bên nhận ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam—Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: số 74 phố Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ

Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Bên nhận ủy quyền: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ: số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng, Trung tâm lưu ký chứng khoán VSD cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ.
- Chi phí phải trả cho dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở : 65.529.516 đồng
 - Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng : 67.100.000 đồng
 - Chi phí trả cho dịch vụ giám sát : 33.000.000 đồng
 - Chi phí trả cho dịch vụ quản trị quỹ mở : 71.500.000 đồng
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

- Tổng chi phí cho các hoạt động ủy quyền : 237.129.516 đồng
- Tỷ lệ chi phí các hoạt động ủy quyền trên tổng chi phí hoạt động : 41,77%
- Tỷ lệ chi phí các hoạt động ủy quyền trên tổng thu nhập : 9,05%
- Tỷ lệ chi phí các hoạt động ủy quyền trên lợi nhuận : 11,74%

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền: Các bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Ngọc Tài